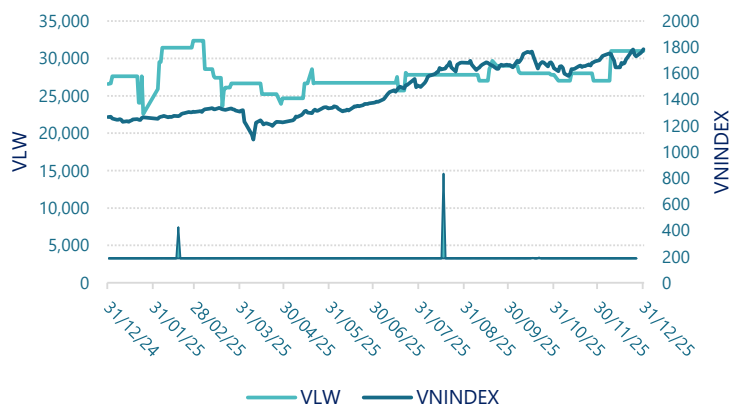


CTCP Cấp nước Vĩnh Long (UPCOM: VLW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	31,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,370
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,564
SL cổ phiếu LH	28,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	55
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	896
P/E	13.0
EPS	2,377

DT thuần

Q4/25

54.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.40 | 13.4%

YoY: ▼ 0.40 | -0.7%

LN sau thuế

Q4/25

29.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.5 | 163%

YoY: ▲ 1.80 | 6.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

43.5%

+/- YoY: ▼ 2.3%

DT thuần

2025

199

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00 | 2.0%

LN sau thuế

2025

68.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.40 | -6.0%

ROE

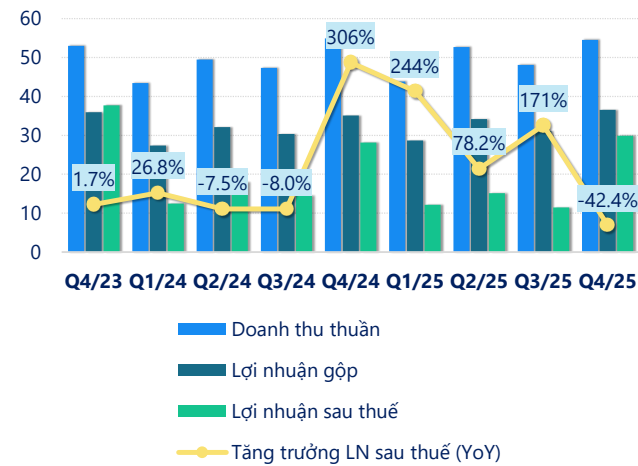
2025

14.2%

+/- YoY: ▼ 1.4%

tỷ VNĐ

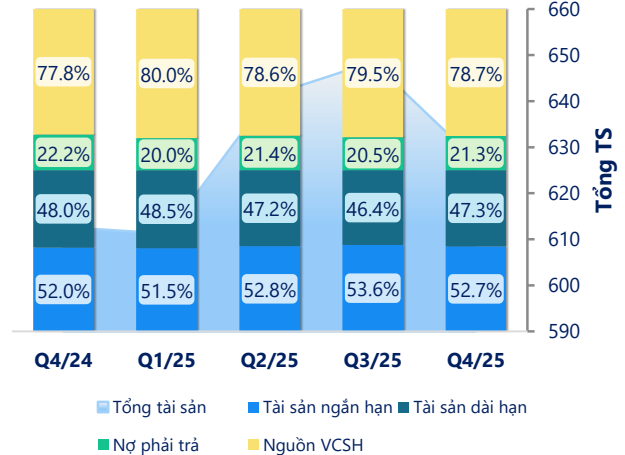
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

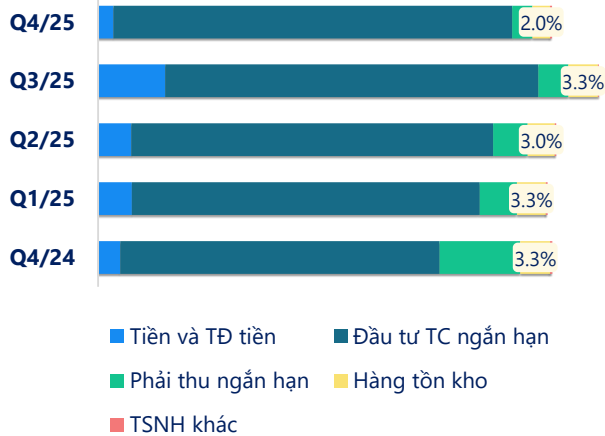
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



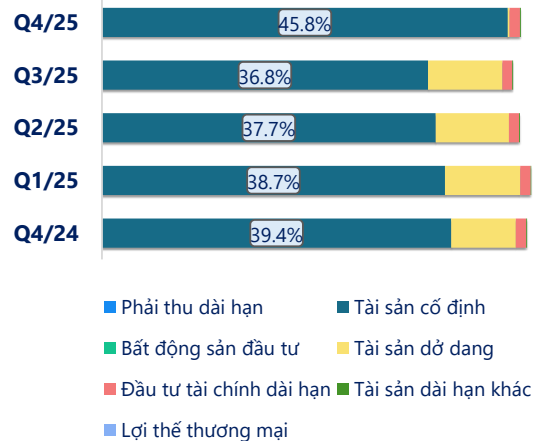
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

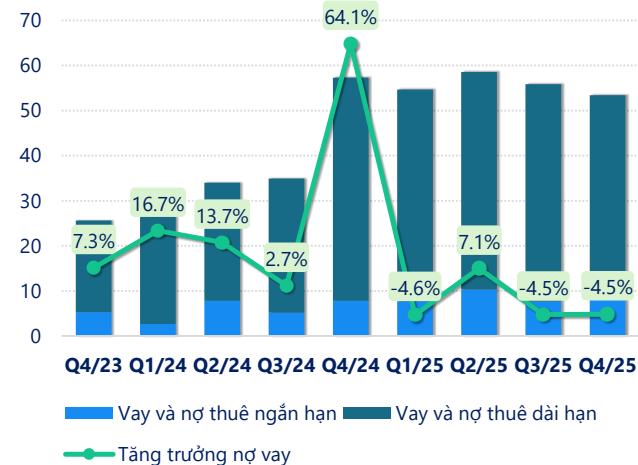
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

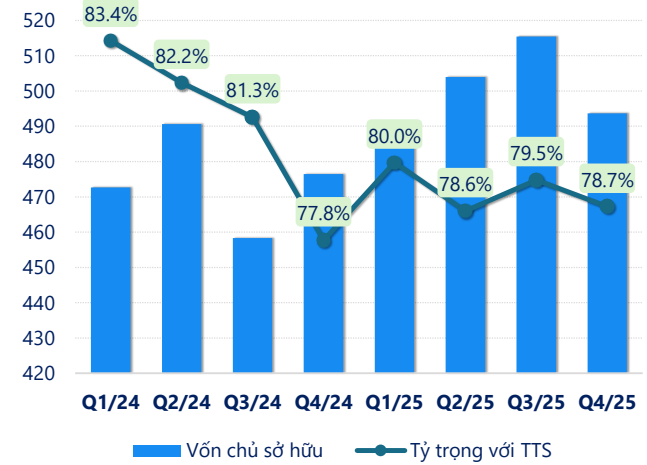
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

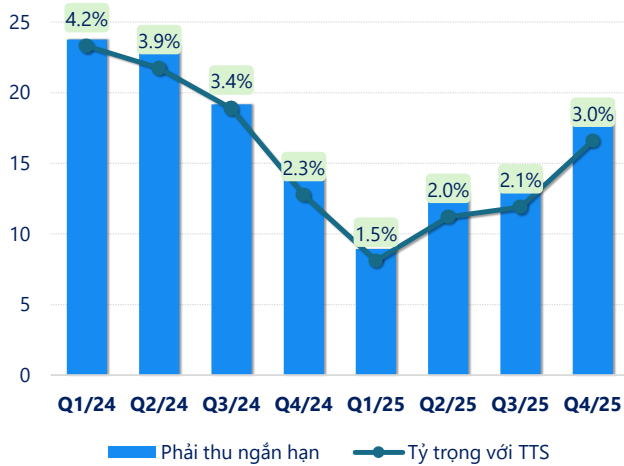
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



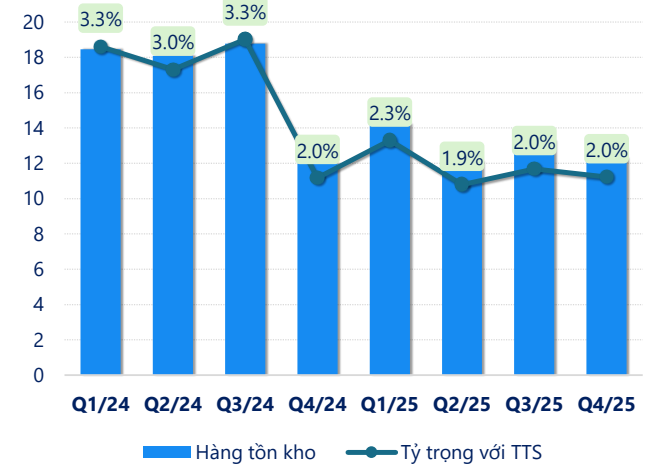
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


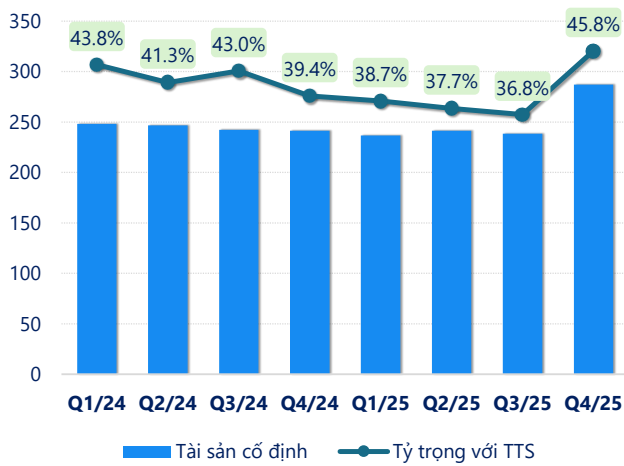
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


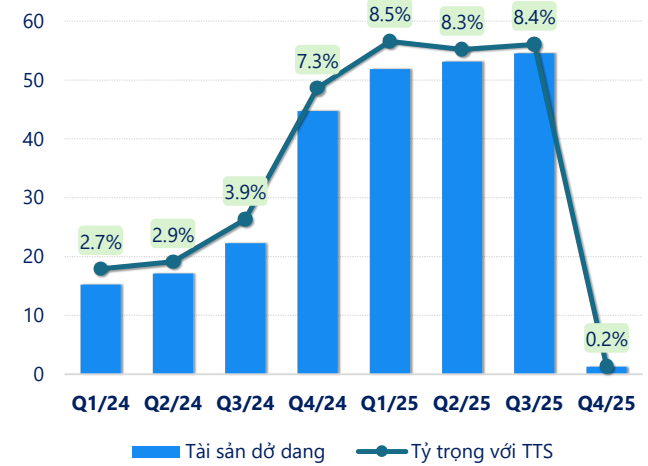
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

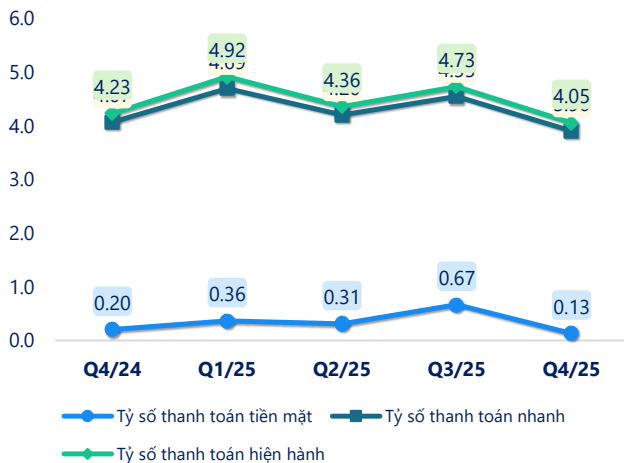
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

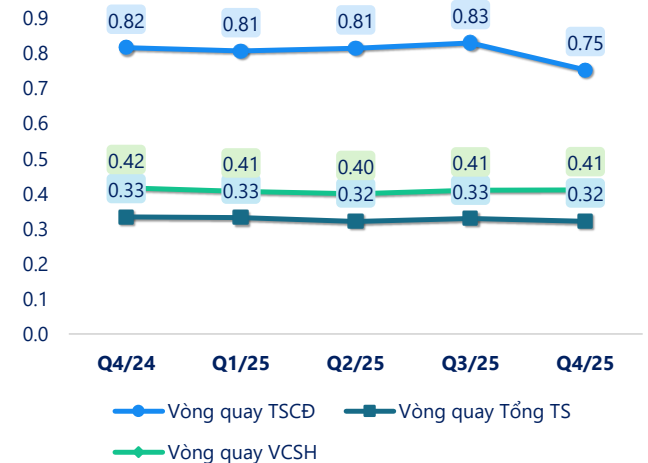
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	613	611	641	649	627
Tài sản ngắn hạn	319	315	339	348	331
Tiền và tương đương tiền	15.3	23.3	23.9	49.1	10.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	276	268	289	271	288
Phải thu ngắn hạn	14.1	8.92	12.9	13.9	18.7
Hàng tồn kho	12.0	14.2	12.1	13.3	12.3
Tài sản ngắn hạn khác	1.56	1.01	1.19	0.89	1.48
Tài sản dài hạn	294	296	302	301	296
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	241	237	241	238	287
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	44.7	51.9	53.1	54.5	1.27
Đầu tư tài chính dài hạn	7.21	7.21	7.21	7.21	7.21
Tài sản dài hạn khác	0.58	0.56	0.66	0.59	0.66
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	136	122	137	133	133
Nợ ngắn hạn	75.4	64.1	77.7	73.6	81.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.81	7.65	10.3	7.65	10.3
Phải trả người bán ngắn hạn	8.75	9.70	11.0	11.1	8.53
Nợ dài hạn	60.8	58.3	59.5	59.5	51.9
Vay và nợ thuê dài hạn	49.5	47.0	48.2	48.2	43.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	476	489	504	515	494
Vốn chủ sở hữu	476	489	504	515	494
Vốn điều lệ	289	289	289	289	289
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)